

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2024
V/v yêu cầu không công nhận
quan hệ hôn nhân hợp pháp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Trần Thị Ngọc Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc: “Yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Văn Quang T, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố A, phường H, phường H, thị xã B, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Diễm M, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Số 38, đường ĐX, tổ 18, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Văn Quang T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Diễm M tìm hiểu, có tình cảm với nhau khoảng 02 năm từ khoảng cuối 2019. Việc ông và bà M có tình cảm với nhau gia đình hai bên đều biết.

Đến năm 2021, bà M báo với ông là đang mang thai với ông. Gia đình ông và gia đình bà M có qua lại nói chuyện về việc kết hôn, nghĩa vụ với con

chung. Tuy nhiên, gia đình hai bên xảy ra căng thẳng, nên không thể đi đến kết hôn.

Mâu thuẫn hai gia đình quá trầm trọng nên đến thời điểm hiện nay ông và bà Nguyễn Diễm M chưa đăng ký kết hôn tại bất cứ UBND xã, phường nào theo quy định pháp luật. Ông cam kết rằng ông và bà M chưa đăng ký kết hôn tại bất cứ UBND xã phường nào.

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng hợp pháp giữa ông và bà Nguyễn Diễm M.

Về con chung: Ông xác định giữa ông và bà Nguyễn Diễm M có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 20/12/2021. Bà M đã đăng ký khai sinh cho cháu Đ tại UBND phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Tại Giấy khai sinh này có ghi tên mẹ là Nguyễn Diễm M, còn tên cha thì để trống. Giấy khai sinh ngày 20/5/2022 được lập tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh B với số 125.

Ông không yêu cầu thực hiện trưng cầu giám định để xác định quan hệ huyết thống cha và con giữa ông và cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ. Ông thừa nhận cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 20/12/2021 chính là con đẻ của ông và bà Nguyễn Diễm M. Ông là cha của cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ.

Ông đồng ý giao cho bà M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ. Hiện cháu Đ đang sống cùng với bà M.

Ông đồng ý thực hiện quyền và nghĩa vụ của người cha đối với con là Nguyễn Ngọc Linh Đ. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng theo tháng hay một lần thì đề nghị Tòa án xem xét theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà M không phát sinh tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án tranh chấp xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

**** Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Văn Quang T trình bày:***

Ông giữ nguyên các ý kiến đã trình bày. Ông đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa ông và bà Nguyễn Diễm M.

Ông đồng ý để bà Nguyễn Diễm M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ.

Ông xác định thu nhập bình quân của ông là 6.000.000 đồng/tháng từ công việc cạo mủ cao su thuê tại địa phương. Tuy nhiên, công việc này cũng không ổn định, vì vào các tháng mùa khô thì ông không có việc làm.

Ông chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trường hợp ông có thêm nguồn thu nhập khác thì ông sẽ hỗ trợ thêm cho con chung.

Ông không đồng ý với mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng và không đồng ý cấp dưỡng 01 lần (hoặc 03 năm cấp dưỡng 01 lần) như lời đề nghị của phía bị đơn bà Nguyễn Diễm M đã nêu tại phiên tòa.

Về tài sản chung và nợ chung, ông không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Diễm M trình bày:

Bà tên đúng là Nguyễn Diễm M, sinh năm 1994. Bà xác định địa chỉ hiện nay là số 38, đường ĐX, tổ 18, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh B.

Trước đây, bà có hộ khẩu thường trú tại khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh B (sống cùng với cha mẹ ruột của bà). Tới đã cắt chuyển hộ khẩu đến địa chỉ số 38, đường ĐX, tổ 18, khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh B vào đầu năm 2022.

Còn nhà cha mẹ ruột bà vẫn tại khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh B. Bà vẫn thường xuyên đi về nhà cha mẹ tại phường H, thị xã B, tỉnh B.

Bà đồng ý việc TAND thị xã Bến Cát tiếp tục thụ lý, giải quyết vụ án này. Bà không đề nghị chuyển hồ sơ vụ án. Bà không có ý kiến về thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Văn Quang T tìm hiểu, có tình cảm với nhau khoảng 02 năm từ khoảng cuối 2019. Việc bà và ông T có tình cảm với nhau gia đình hai bên đều biết. Đến năm 2021 thì bà có mang thai với ông T. Bà và ông T cùng gia đình hai bên có qua lại nói chuyện về việc kết hôn, nghĩa vụ với con chung. Bà vẫn có tình cảm và mong muốn hai bên kết hôn để con cái có cha mẹ đầy đủ. Tuy nhiên, gia đình ông T và gia đình bà xảy ra căng thẳng. Ông T nói không có tiền và không muốn kết hôn với bà.

Mâu thuẫn hai gia đình quá trầm trọng, nên đến thời điểm hiện nay bà và ông Văn Quang T chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại bất cứ UBND xã, phường, thị trấn nào.

Do đó việc ông T đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Bà xác định bà và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 20/12/2021. Bà đã đăng ký khai sinh cho con tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh B. Tại Giấy khai sinh có ghi tên mẹ là Nguyễn Diễm M, còn tên cha thì để trống. Bà xác định bà và ông Văn Quang T có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 20/12/2021, khai sinh ngày 20/5/2022 tại UBND phường P, thành phố T, số 125. Bà không yêu cầu thủ tục trưng cầu giám định xác định cha cho con.

Về con chung, từ khi mang thai đến khi sinh con đều do một mình bà sinh và chăm sóc con. Ông T không quan tâm chăm sóc bà và con chung. Mâu thuẫn hai gia đình và mâu thuẫn giữa bà và ông T quá trầm trọng, nên đến thời điểm

hiện nay bà và ông Văn Quang T không thực hiện đăng ký kết hôn. Ông T cũng không thực hiện cấp dưỡng cho cháu Đ.

Bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con. Hiện nay bà đang làm Công ty với thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Chi phí cho con mỗi tháng hiện nay trung bình khoảng 10.000.000 đồng. Cháu Đ đang sống cùng với bà.

Bà yêu cầu Tòa án buộc ông T cấp dưỡng nuôi con (cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ) mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ đủ 18 tuổi. Bà yêu cầu thực hiện cấp dưỡng nuôi con một lần. Trường hợp ông T không đồng ý thì bà đề nghị Tòa án xét xử theo quy định để bảo vệ quyền lợi của con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và ông T không phát sinh tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án tranh chấp xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tôi cũng không có yêu cầu phản tố gì với nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Diễm M trình bày :**

Bà giữ nguyên các ý kiến đã trình bày. Bà đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa bà và ông Văn Quang T.

Bà thống nhất xác định cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ là con chung của bà và ông Văn Quang T.

Bà đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ.

Bà có yêu cầu ông T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà yêu cầu ông T phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con 01 lần, hoặc cứ mỗi 03 năm cấp dưỡng nuôi con 01 lần. Bà cho rằng ông T có điều kiện kinh tế tốt, có nhiều nguồn thu nhập, nhưng ông T chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng là quá thấp so với khả năng thực tế.

Hiện ngoài làm công việc chính tại Công ty thì bà có làm thêm các công việc tự do khác để kiếm thêm thu nhập. Bình quân các nguồn thu nhập hàng tháng của bà từ 10.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng.

*** Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:**

- **Về thủ tục tố tụng:** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa ông Văn Quang T và bà Nguyễn Diễm M.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ cho bà Nguyễn Diễm M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét ông T có công việc với mức thu nhập không cao, nên đề nghị HĐXX buộc ông Văn Quang T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, nên không đề cập xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Văn Quang T tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng hợp pháp với bị đơn bà Nguyễn Diễm M. Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn xác định nguyên đơn và bị đơn có cùng địa chỉ cư trú tại phường Hò, thị xã B, tỉnh B.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Diễm M trình bày và xuất trình giấy tờ chứng minh bị đơn đang cư trú, sinh sống tại khu phố 4, phường P, thành phố, tỉnh B.

Tuy nhiên, các bên đã có văn bản nêu rõ ý kiến thống nhất lựa chọn TAND thị xã Bến Cát giải quyết vụ án này. Do vậy, TAND thị xã Bến Cát tiếp tục giải quyết vụ án này là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông Văn Quang T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng hợp pháp với bị đơn bà Nguyễn Diễm M. Nguyên đơn đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 20/12/2021 cho bà Nguyễn Diễm M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 2.000.000 đồng. Nguyên đơn xác định đang làm nghề cạo mủ cao su thuê với thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng. Nguyên đơn không đồng ý với mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng mà bị đơn đã nêu.

Bị đơn bà Nguyễn Diễm M đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp. Về con chung, bị đơn đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ. Bị đơn có yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng là thực hiện 01 lần, hoặc cứ mỗi 03 năm thực hiện việc cấp dưỡng 01 lần.

Xét thấy, ông Văn Quang T và bà Nguyễn Diễm M thống nhất xác định có quan hệ tình cảm, và sống chung như vợ chồng vào năm 2021. Ông bà không có đăng ký kết hôn tại bất cứ cơ quan có thẩm quyền nào. Bà Nguyễn Diễm M đã mang thai với ông Văn Quang T. Đến ngày 20/12/2021 thì bà Nguyễn Diễm M đã sinh cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ (giới tính: Nữ). Bà M đã thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh đối với cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh B, và được cấp Giấy khai sinh số 125 vào ngày 20/5/2022. Tại

Giấy khai sinh chỉ ghi tên mẹ (bà Nguyễn Diễm M) và không ghi tên cha. Xét yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp của nguyên đơn ông Văn Quang T là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Các đương sự đều thống nhất đề nghị giao cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ cho bà Nguyễn Diễm M chăm sóc nuôi dưỡng, nên HĐXX quyết định giao cháu Đ cho bà Nguyễn Diễm M chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét mức thu nhập bình quân mỗi tháng và đặc thù công việc của ông Văn Quang T, HĐXX thấy rằng cần buộc ông Văn Quang T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với khả năng tài chính thực tế của ông T.

Xét ý kiến của bà Nguyễn Diễm M về yêu cầu cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng và phương thức cấp dưỡng nuôi con là chưa phù hợp, nên không được HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự không tranh chấp, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, HĐXX thấy rằng các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Văn Quang T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Văn Quang T phải nộp theo quy định pháp luật.

[5] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 147, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 7, khoản 24 Điều 3; Điều 9; Điều 14; Điều 15; các Điều: 68, 69, 70, 71, 81, 82, 83, 84 và 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Văn Quang T đối với bị đơn bà Nguyễn Diễm M về việc: “Yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn ông Văn Quang T và bị đơn bà Nguyễn Diễm M không tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 20/12/2021 cho bị đơn bà Nguyễn Diễm M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Văn Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông T và bà M đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung (cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ). Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Văn Quang T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0004842 ngày 05/02/2024 của Chi cục THADS thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Văn Quang T phải nộp 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/3/2024).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND phường H, thị xã B;
- UBND phường P, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Phước Thành

